

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN STY
TỈNH QT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2023/DS-ST
Ngày 26 tháng 6 năm 2023
(Về: *Kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng*)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN STY, TỈNH QT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lộc Thị Kim Thơm và bà Hà Thị Vinh

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Yên – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện STY, tỉnh QT.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện STY, tỉnh QT tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trọng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện STY, tỉnh QT xét xử sơ thẩm công khai vụ dân sự thụ lý số: 112/2022/TLST-DS, ngày 16 tháng 12 năm 2022, về việc “Kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2023/QĐST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* NHNNHF (tên viết tắt JGD)

Địa chỉ trụ sở chính: Số 2 JG, phường HT, quận ZF, thành phố SD.

Người đại diện theo pháp luật: Ông PTN - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền thực hiện việc khởi kiện: NHNNHF, chi nhánh huyện STY, QT

Địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố Tứ Quận, thị trấn STY, huyện STY, tỉnh QT.

Người đại diện theo pháp luật: Ông VTH - Chức vụ: Giám đốc (Theo Văn bản ủy quyền số: 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng Giám đốc cho Giám đốc chi nhánh).

Người được ủy quyền lại: Ông TGD - Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Xuân Vân - JGD Chi nhánh huyện STY, QT (Văn bản ủy quyền số: 791A/UQ-NHNo.YS-TH ngày 18/12/2022). Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị HRM, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã KT, huyện STY, tỉnh QT. Vắng mặt, đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh **NTL**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã KT, huyện STY, tỉnh QT. Vắng mặt, đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 03/5/2018 chị HRM đứng tên ký kết Hợp đồng tín dụng số: 8102LAV201803624 với NHNNHF (Sau đây được viết tắt là JGD) chi nhánh huyện STY, tỉnh QT với nội dung: JGD chi nhánh huyện STY cho chị HRM vay tổng số tiền là 50.000.000 đồng; mục đích vay vốn để sửa chữa nhà ở; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 03/5/2018 đến ngày 03/5/2019; lãi suất trong hạn 11%/năm/nợ gốc, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; ngoài ra hợp đồng còn quy định về thời hạn vay, lãi suất và các quyền, nghĩa vụ khác của hai bên. JGD chi nhánh huyện STY đã giải ngân cho chị HRM số tiền vay vào ngày 03/5/2018.

Tuy chị M là người đứng tên trong hợp đồng tín dụng vay tiền nhưng chị M được chồng là NTL ủy quyền đứng ra vay tiền, khoản tiền vay mục đích để sửa chữa nhà ở của vợ chồng nên khoản vay trên là khoản vay chung của chị M và anh L, chị M và anh L cùng có nghĩa vụ như nhau đối với khoản vay trên.

Đến hạn chị HRM và anh NTL không trả nợ gốc và lãi ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng; ngân hàng đã có giấy báo nợ đến hạn, thông báo chuyển nợ quá hạn, và thông báo chị HRM đến làm việc nhưng chị M trốn tránh, không hợp tác, sau đó đã đi khỏi nơi cư trú, không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc mới cho Ngân hàng biết, gây khó khăn cho công tác thu hồi nợ của Ngân hàng, vì vậy JGD chi nhánh huyện STY đã khởi kiện đối với chị HRM và anh NTL để yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị M, anh L có nghĩa vụ trả nợ cho JGD chi nhánh huyện STY số tiền còn nợ tính đến thời điểm khởi kiện ngày 29/11/2022 tổng cộng là 84.818.055 đồng, trong đó: Số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng, tiền lãi là 34.818.055 đồng.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt JGD chi nhánh huyện STY yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị HRM và anh NTL cùng có nghĩa vụ thanh toán cho JGD chi nhánh huyện STY tổng số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử (26/6/2023) là 88.909.000 đồng, trong đó: Nợ gốc là 50.000.000 đồng; tiền lãi là 38.909.000 đồng; buộc chị M có nghĩa vụ thanh toán $\frac{1}{2}$ khoản nợ, anh L có nghĩa vụ thanh toán $\frac{1}{2}$ khoản nợ trên. Ngoài ra buộc chị HRM và anh NTL tiếp tục có nghĩa vụ trả các khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 8102LAV201803624 ngày 03/5/2018 kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi chị M, anh L trả hết toàn bộ khoản nợ trên.

- *Tại bản tự khai bị đơn chị HRM trình bày:*

Ngày 03/5/2018 chị đứng tên ký kết Hợp đồng tín dụng số: 8102LAV201803624 với JGD chi nhánh huyện STY, tỉnh QT với nội dung: JGD chi nhánh huyện STY cho chị vay tổng số tiền là 50.000.000 đồng; mục đích vay vốn để sửa chữa nhà ở; ngoài ra hợp đồng còn quy định về thời hạn vay, lãi suất và các quyền, nghĩa vụ khác của hai bên. JGD chi nhánh huyện STY đã giải ngân cho chị số tiền vay vào ngày 03/5/2018.

Chị M xác định, tuy chị là người đứng tên trong hợp đồng tín dụng vay tiền nhưng khi vay giữa chị và chồng chị là anh NTL đã thống nhất với nhau cùng vay tiền, chị được anh NTL ủy quyền đứng ra vay tiền, khoản tiền vay mục đích để sửa chữa nhà ở của vợ chồng nên khoản vay trên là khoản vay chung của chị và anh L, chị và anh L cùng có nghĩa vụ như nhau đối với khoản vay trên.

Sau khi vay tiền do việc làm ăn gặp khó khăn, ảnh hưởng của dịch Covid-19, nên đến hạn chị và anh NTL không trả nợ gốc và lãi ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng được.

Nay JGD chi nhánh huyện STY, tỉnh QT khởi kiện buộc chị và anh L có nghĩa vụ thanh toán cho JGD chi nhánh huyện STY số tiền còn nợ tính đến thời điểm khởi kiện ngày 29/11/2022 tổng cộng là 84.818.055 đồng, trong đó: Số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng, tiền lãi là 34.818.055 đồng, chị hoàn toàn nhất trí, chị và anh L sẽ có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ trên cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi chị HRM và anh NTL theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp đến Tòa án để làm việc nhưng chị M và anh L đều vắng mặt không có lý do. Quá trình xác minh tại địa phương thể hiện chị HRM và anh NTL vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn ĐT, xã KT, huyện STY, tỉnh QT, thỉnh thoảng chị M, anh L vẫn về địa phương nhưng không thông báo và cung cấp địa chỉ nơi ở hiện nay cho gia đình và chính quyền địa phương biết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện STY phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, gửi văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định; nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của BLTTDS; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72, 73 của BLTTDS. Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ: Các Điều 26, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 357, 385, 429, 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn NHNNHF chi nhánh huyện STY, QT: Buộc chị HRM và anh NTL cùng có nghĩa vụ thanh toán cho NHNNHF chi nhánh huyện STY, QT số tiền gốc và lãi tính đến ngày 26/6/2023 là 88.909.000 đồng, trong đó: Nợ gốc là 50.000.000 đồng; nợ lãi là 38.909.000 đồng và khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 8102LAV201803624 ngày 03/5/2018, đã được ký kết giữa chị M và NHNNHF chi nhánh huyện STY cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên.

+ Về án phí: Buộc chị HRM và anh NTL phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Về việc giao nộp tài liệu chứng cứ: Nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu gồm: Giấy ủy quyền số 2665 (bản sao); Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (bản sao); Hợp đồng tín dụng (bản sao); Phương án sử dụng vốn (bản sao); Giấy ủy quyền ngày 02/5/2018 (bản sao); Theo dõi tiền vay và kỳ hạn trả nợ (bản sao); Báo cáo sử dụng vốn vay (bản sao); Báo cáo tình hình thu nhập (bản sao); Bảng kê tính lãi tiền vay (bản sao); Biên bản kiểm tra sau khi cho vay (bản sao); Thông báo nợ đến hạn (bản sao); Thông báo chuyển nợ quá hạn (bản sao); Biên bản làm việc (bản sao); Chứng minh nhân dân mang tên HRM (bản sao); sổ hộ khẩu (bản sao).

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã cho nguyên đơn, bị đơn viết bản tự khai; tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; xác minh tại thôn ĐT, xã KT; xác minh tại Công an xã KT, huyện STY.

Đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì lý do chị M, anh L trốn tránh, không đến Tòa án giải quyết, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, nên Tòa án chỉ tiến hành Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải; các đương sự chưa thống nhất được nội dung gì nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị HRM ký kết Hợp đồng tín dụng số: 8102LAV201803624 ngày 03/5/2018 với JGD chi nhánh huyện STY, tỉnh QT với nội dung: JGD chi nhánh huyện STY cho chị HRM vay số tiền 50.000.000 đồng; mục đích vay vốn để sửa chữa nhà ở, vì vậy xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và là tranh chấp về dân sự; chị HRM và anh NTL đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Xã KT, huyện STY, tỉnh QT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện STY, tỉnh QT theo quy

định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo cung cấp của đại diện thôn DT, xã KT, huyện STY, tỉnh QT, chị HRM và anh NTL có hộ khẩu thường trú tại thôn DT, xã KT, huyện STY, tỉnh QT; chị M và anh L hiện nay thường xuyên đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương nhưng không thông báo địa chỉ, nơi cư trú mới cho gia đình và địa phương biết. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định nhưng chị M và anh L đều không đến làm việc, đây được xem là trường hợp đương sự cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chị M, anh L vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa; đại diện NHNNHF chi nhánh huyện STY có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện STY quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về xem xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1]. Nguyên đơn xác định: Chị HRM có đứng tên ký kết Hợp đồng tín dụng số: 8102LAV201803624, ngày 03/5/2018 với JGD chi nhánh huyện STY, tỉnh QT với nội dung: JGD chi nhánh huyện STY cho chị HRM vay tổng số tiền là 50.000.000 đồng; mục đích vay vốn để sửa chữa nhà ở; thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 03/5/2018 đến ngày 03/5/2019; lãi suất trong hạn 11%/năm/nợ gốc, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong. Đến thời hạn trả nợ chị M và anh L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng.

Tại bản tự khai chị M xác định việc ký kết Hợp đồng vay tiền với JGD chi nhánh huyện STY như đã trình bày ở trên là đúng thực tế; chị xác định khoản vay trên là khoản vay chung của chị và anh NTL, anh L ủy quyền cho chị đứng ra vay mục đích vay để sửa chữa nhà ở chung của gia đình, nên chị và anh L cùng có nghĩa vụ như nhau đối với khoản nợ trên, chị nhất trí trả khoản nợ trên theo yêu cầu của ngân hàng.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn, có căn cứ xác định việc NHNNHF chi nhánh huyện STY với chị HRM ký kết Hợp đồng tín dụng là đúng thực tế; Hợp đồng tín dụng giữa hai bên giao kết phù hợp về nội dung và hình thức theo quy định của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng.

Về xác định nghĩa vụ trả nợ: Tuy chị M là người đứng tên ký Hợp đồng tín dụng vay tiền với JGD chi nhánh huyện STY nhưng tại Giấy ủy quyền lập ngày 02/5/2018 có chứng thực của UBND xã KT, huyện STY, anh L đã ủy quyền cho chị M đứng ra vay tiền và thay mặt mình thực hiện các quyền, nghĩa vụ đối với ngân hàng; mục đích khoản vay là để sửa chữa nhà ở chung của vợ chồng, thời điểm vay tiền và thời điểm kiểm tra việc sử dụng vốn sau khi vay chị M và anh L là vợ chồng hợp pháp, sử dụng vốn vay đúng mục đích, hiện nay nhà của chị M và anh L vẫn còn, nên có căn cứ xác định đây là

khoản vay chung sử dụng vào mục đích chung gia đình của chị M và anh L, chị M và anh L phải cùng có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng.

[2.2]. Quá trình thực hiện Hợp đồng các bên cùng thỏa thuận chị M, anh L có nghĩa vụ trả nợ gốc định kỳ một lần, hạn trả nợ cuối là ngày 03/5/2019, tuy nhiên tính đến ngày xét xử chị M, anh L chưa trả được tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng cho JGD chi nhánh huyện STY.

Về khoản tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng chị M, anh L có nghĩa vụ trả lãi định kỳ một lần, hạn trả nợ cuối là ngày 03/5/2019, tuy nhiên đến hạn chị M, anh L chưa trả khoản tiền lãi nêu trên nên chị M, anh L phải có nghĩa vụ trả toàn bộ khoản tiền lãi này; ngoài ra chị M, anh L còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn kể từ ngày 04/5/2019 do vi phạm nghĩa vụ hợp đồng. Đại diện nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi phù hợp với chính sách lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ, đúng theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Đối chiếu bảng sao kê về lãi suất do nguyên đơn cung cấp thì tính đến ngày xét xử sơ thẩm (26/6/2023) chị M và anh L còn nợ JGD chi nhánh huyện STY số tiền nợ lãi là 38.909.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc các đương sự ký kết và thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp; quá thời hạn trả nợ chị M, anh L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết trong Hợp đồng tín dụng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc. Do chị M, anh L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của JGD chi nhánh huyện STY, buộc chị HRM và anh NTL có nghĩa vụ thanh toán cho JGD chi nhánh huyện STY tổng số tiền nợ gốc và lãi gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (26/6/2023) là 88.909.000 đồng, trong đó: Nợ gốc là 50.000.000 đồng; nợ lãi là 38.909.000 đồng. Chia ra: Chị HRM có nghĩa vụ thanh toán cho JGD chi nhánh huyện STY tổng số tiền là 44.454.500 đồng, trong đó: Nợ gốc là 25.000.000 đồng; nợ lãi là 19.454.500 đồng; anh NTL có nghĩa vụ thanh toán cho JGD chi nhánh huyện STY tổng số tiền là 44.454.500 đồng, trong đó: Nợ gốc là 25.000.000 đồng; nợ lãi là 19.454.500 đồng. Ngoài ra kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (26/6/2023) chị M và anh L còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 8102LAV201803624, ngày 03/5/2018, đã được ký kết giữa chị M và JGD chi nhánh huyện STY cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Về án phí: Chị HRM và anh NTL phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; JGD chi nhánh huyện STY không phải chịu tiền án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 26, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 357, 385, 429, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;
- Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn NHNNHF chi nhánh huyện STY, QT đối với chị HRM và anh NTL.

- Buộc chị HRM và anh NTL cùng có nghĩa vụ thanh toán cho NHNNHF chi nhánh huyện STY, QT tổng số tiền gốc và lãi còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 8102LAV201803624, ngày 03/5/2018, tính đến ngày 26/6/2023 là: 88.909.000 đồng, trong đó: Nợ gốc là 50.000.000 đồng; nợ lãi là 38.909.000 đồng. Chia ra: Chị HRM có nghĩa vụ thanh toán cho NHNNHF chi nhánh huyện STY, QT tổng số tiền là 44.454.500 đồng, trong đó: Nợ gốc là 25.000.000 đồng, nợ lãi là 19.454.500 đồng; anh NTL có nghĩa vụ thanh toán cho NHNNHF chi nhánh huyện STY, QT tổng số tiền là 44.454.500 đồng, trong đó: Nợ gốc là 25.000.000 đồng, nợ lãi là 19.454.500 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm (26/6/2023) chị HRM và anh NTL còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 8102LAV201803624, ngày 03/5/2018 đã được ký kết giữa chị HRM và NHNNHF chi nhánh huyện STY, QT cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

2. Về án phí: Chị HRM và anh NTL phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 4.445.450 đồng (làm tròn số thành 4.445.000 đồng). Chia ra: Chị HRM phải chịu 2.222.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; anh NTL phải chịu 2.222.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHNNHF chi nhánh huyện STY, QT không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.120.000 đồng, theo Biên lai số: 0004352 ngày 15/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện STY.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QT;
- VKSND tỉnh QT;
- VKSND huyện STY;
- Chi cục THADS huyện STY;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Mạnh Hồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Nhâm Hoàng Văn Lang

Vũ Mạnh Hồng

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh QT;
- VKSND huyện Na Hang;
- UBND huyện Na Hang;
- UBND xã Thanh Tương;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Ngọc Thúc